

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 17/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 17 - 01 - 2025

“V/v ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Nhâm

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lê Văn Công
- Bà Nguyễn Hoài Thiên Kim

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Đình Giang- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2025, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 650/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2024 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 139/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 97/2024/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông NHB, sinh năm 1975; thường trú: 529/17 HVB, P14, quận PN, Thành phố H, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Bà NHTK, sinh năm 1971; thường trú: 43 Đ4, KP4, phường AP, thành phố TĐ, Thành phố H; tạm trú: 463/30 khu phố BP, phường BC, thành phố TA, tỉnh B, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 07/8/2024, lời khai trong quá trình tố tụng nguyên đơn ông HNB trình bày:

+ Về quan hệ hôn nhân: Ông NHB và bà NHTK tự nguyện tìm hiểu nhau, tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường An Phú, Quận 2 (nay là thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh

theo giấy chứng nhận kết hôn số 11 ngày 26/02/2011. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không phù hợp, bất đồng quan điểm sống nên thường xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhau khiến cho cuộc sống chung không hạnh phúc. Ông B và bà K sống ly thân từ 2021 đến nay, mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm chăm sóc nhau. Nay ông B xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với bà NHTK.

+ Về con chung: Không có

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

đồng thời ông Bình có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn bà NHTK không có văn bản trình bày ý kiến và không tham gia tố tụng.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng, bị đơn chưa chấp hành pháp luật tố tụng.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét, nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà NHTK có đăng ký tạm trú và sinh sống cư trú tại địa chỉ 463/30 khu phố Bình Phú, phường Bình Chuẩn, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án nhân dân thành phố Thuận An thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn, không yêu cầu giải quyết về tài sản chung; nợ chung. Như vậy quan hệ tranh chấp trong vụ án này là ly hôn.

Quá trình tố tụng bà Kim đã được triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia tố tụng, ông Bình có yêu cầu giải quyết vắng mặt nên căn cứ Điều 277 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Ông B và bà K tự nguyện tìm hiểu chung sống, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường An Phú, Quận 2 (nay là thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận kết hôn số 11 ngày

26/02/2011, do đó hôn nhân của ông B và bà K là hợp pháp.

Nguyên đơn ông Bình trình bày nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã nhau, ông B và bà K đã ly thân, mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm chăm sóc nhau, bà K đã được triệu tập hợp lệ nhưng không có văn bản trình bày ý kiến xem như tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ. Tòa án tiến hành xác minh tình trạng mâu thuẫn vợ chồng nhưng địa phương không rõ. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa người vợ và người chồng chỉ tồn tại bền vững dựa trên tình cảm thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và khi có những bất đồng trong quan hệ vợ chồng thì người vợ và người chồng phải cùng nhau tích cực hàn gắn, xóa bỏ những mâu thuẫn, duy trì tình cảm tốt đẹp của vợ chồng. Nhưng quan hệ hôn nhân giữa ông B và bà K không đạt được các yếu tố của một gia đình hạnh phúc. Ông bà đã có thời gian sống ly thân, không còn quan tâm chăm sóc nhau, mạnh ai nấy sống, do đó có căn cứ xác định tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu của ông B về việc ly hôn với bà K.

Về con chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông B không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Điều 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông NHB đối với bị đơn bà NHTK.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông NHB được ly hôn với bà NHTK.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông B không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông NHB phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ toàn bộ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0002905 ngày 09 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An;
- Chi cục THADS tp Thuận An;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Nhâm